TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 01 - 2025

V/v: Ly hôn giữa chị H và anh V

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Lan

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Hồng Tuyên và ông Nguyễn Đức Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Khuông– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ghi biên bản phiên tòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy: Bà Vũ Thị Thuỷ – Kiểm sát viên

Trong ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự hôn nhân và gia đình thụ lý số 25/2024/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16/12/2024 và thông báo chuyển lịch phiên toà số 15/TB-TA ngày 17/12/2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1983 – *Có mặt*

Địa chỉ: thôn NT, xã TS, huyện Tt, tỉnh Thái Bình

Bị đơn: Anh Lê Văn V, sinh năm 1982 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn NT, xã TS, huyện Tt, tỉnh Thái Bình

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

- Ông Lê Văn Ng, sinh năm 1960 – *Có đơn xin xử vắng mặt*

Địa chỉ: thôn NT, xã TS, huyện Tt, tỉnh Thái Bình

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Lê Văn H – *là con trai, có mặt tại phiên tòa*

- Quỹ tín dụng nhân dân TS

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn K – Giám đốc

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai,ý kiến trong các buổi hoà giải, ý kiến trình bày tại các đơn gửi Toà án và tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn V tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn vào ngày 08/7/2015 tại Uỷ ban nhân dân xã ĐL, huyện HS, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến khoảng tháng 12/2019 thì phát sinh mâu thuẫn từ nguyên nhân tính tình không hợp và do điều kiện làm ăn kinh tế khó khăn, nghi ngờ không tin tưởng nhau, thường xuyên cãi vã nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Chị đã từng gửi đơn ly hôn anh Vinh nhưng do được hoà giải nên đã rút đơn về, tuy nhiên mâu thuẫn giữa chị và anh V vẫn tiếp tục và ngày càng thêm sâu sắc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh V.

Về con chung: Chị và anh Vinh có hai con chung là Lê Hải A, sinh ngày 26/01/2012 và Lê Minh Đ, sinh ngày 21/8/2017. Tại đơn khởi kiện chị đã đề nghị Toà án giải quyết giao cho chị nuôi con Lê Minh Đ, giao cho anh V trực tiếp nuôi con Lê Hải A; Mặc dù anh Vinh biết rõ việc chị yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án không có trách nhiệm với việc nuôi dưỡng con chung nên chị đề nghị giải quyết cho chị trực tiếp nuôi cả hai con, hiện nay chị làm công nhân, thu nhập khoảng từ 8 triệu đến 10 triệu đồng/ tháng, chị không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu phân chia tài sản chung;

Về nợ chung:

- Chị và anh V có vay ông Lê Văn Ng số tiền là 250.000.000 đồng vào ngày 28/02/2020, mục đích để làm ăn phát triển kinh tế, thời gian vay là 1 năm. Khi vay có lập giấy vay tiền như chứng cứ ông Ng cung cấp. Không thỏa thuận lãi trong giấy vay tiền nhưng trên thực tế có một vài lần anh, chị trả lãi cho ông Ng theo thỏa thuận miệng, mỗi lần 2.500.000 đồng khi trả lãi đưa tay cho ông Nguyện nên chị không nhớ cụ thể đã trả bao nhiêu tiền và cụ thể là mấy lần trả và đến nay không có chứng cứ về trả lãi cho ông Ng. Để ông Ng yên tâm cho anh chị vay tiền nên anh chị và ông Ng có thỏa thuận nếu anh chị không trả được nợ thì chuyển nhượng lại cho ông Ng xe ô tô biển kiểm soát 30F – 435.22 đăng ký chủ sở hữu là anh Lê Văn V và tài sản là thửa đất số 267, tờ bản đồ số 8, diện tích sử dụng là 273,3m^2 và toàn bộ công trình xây dựng trên đất để thu hồi nợ - thửa đất này là đất bố mẹ anh Vinh được thừa kế nhưng chưa làm thủ tục phân chia, chị và anh V chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do điều kiện làm ăn kinh tế khó khăn nên hết thời hạn vay, ông Ng thông báo đòi trả nợ số tiền vay 250.000.000 đồng thì chị và anh H không trả được nợ cho ông Ng. Chị đã được xem chứng cứ là giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 28/02/2020, chị xác định giấy vay tiền này do anh Lê Văn Vinh viết, chữ ký "Lê Văn V" trong mục "người vay" trong giấy vay tiền là chữ ký của anh Vinh, chữ ký ghi "Vợ" "Lê Thị H" trong giấy vay nợ là chữ ký của chị. Chị xác định chị và anh Vinh còn nợ ông Lê Văn Ng 250.000.000 đồng. Chị đề nghị Tòa án giải quyết chia đôi số nợ của ông Ng, chị và anh H mỗi người trả một nửa là 125.000.000 đồng.

- Chị và anh V có vay Quỹ tín dụng nhân dân TS theo Hợp đồng tín dụng lập ngày 2020-1-00183/HĐTD ngày 13/03/2020: Số tiền vay 200.000.000 đồng mục đích để làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Thời hạn vay: 12 tháng; kỳ hạn trả nợ gốc: Trả một lần vào ngày 13/03/2021; Lãi trả theo tháng, lãi suất cho vay: 9,9%/ năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn. Loại vay: Thế chấp tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 267, tờ bản đồ số 8, diện tích sử dụng là 273,3m^2 và toàn bộ công trình xây dựng trên đất để thu hồi nợ - thửa đất này là đất bố mẹ anh Vinh được thừa kế nhưng chưa làm thủ tục phân chia thừa kế, chị và anh Vinh chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 13/03/2020 QTD Thụy Sơn đã giao đủ số tiền 200.000.000 đồng, anh Lê Văn V là người nhận tiền. Quá trình thực hiện hợp đồng do điều kiện làm ăn kinh tế khó khăn nên chị và anh V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng Thụy S như thỏa thuận tại hợp đồng. Quỹ tín dụng nhân dân Thụy S đã gia hạn khoản nợ nhưng anh chị vẫn không thực hiện được. Đến thời điểm xét xử chị xác định chị và anh V còn nợ Quỹ tín dụng nhân dân Thụy S tiền gốc là 161.000.000; Nợ lãi là 87.551.300 đồng (trong đó lãi trong hạn là 29.781.370 đồng, còn lại là lãi quá hạn) như lời khai của đại diện Quỹ tín dụng Thụy S trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Do khoản vay quỹ tín dụng Thuỵ S trong thời kỳ hôn nhân, mục đích để làm ăn phát triển kinh tế nên chị đề nghị xác định là nợ chung của chị và anh V, chị đề nghị Tòa án giải quyết phân chia chị và anh V mỗi người có trách nhiệm trả nợ ½ nợ gốc và lãi cho đến khi trả nợ xong toàn bộ cho Quỹ tín dụng Thuỵ S;

** Anh Lê Văn V là bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày*

** Tại đơn yêu cầu độc lập, bản tự khai, ý kiến tại phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo pháp luật của Quỹ tín dụng nhân dân Thuỵ Sơn là ông Nguyễn Văn K trình bày:*

Ngày 11/3/2020 anh Lê Văn V và chị Lê Thị H có giấy đề nghị vay Quỹ tín dụng nhân dân Thụy S số tiền 200.000.000 đồng. Ngày 13/3/2020 Quỹ tín dụng Thụy S đã ký hồ sơ vay vốn số: 2020-01-00183/HĐTD với anh Lê Văn V và người thừa kế là chị Lê Thị H. Nội dung cho anh Lê Văn V và chị Lê Thị H vay số tiền 200.000.000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng; kỳ hạn trả nợ gốc: Trả một lần vào ngày 13/03/2021; Lãi trả theo tháng, lãi suất cho vay: 9,9%/ năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn. Loại vay: Thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở đối với thửa đất số 267, tờ bản đồ số 8, diện tích sử dụng là 273,3m^2 và toàn bộ công trình xây dựng trên đất, thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh V, chị H theo quy định. Thực hiện hợp đồng trên ngày 13/03/2020 QTD Thụy S đã giao đủ số tiền 200.000.000 đồng cho anh Lê Văn V . Anh V trực tiếp ký giấy nhận nợ ngày 13/3/2020, phiếu chi số: 01PC0018 ngày 13/3/2020 tại trụ sở QTDND Thụy S. Đến ngày 05/03/2021 anh Lê Văn V và

chị Lê Thị H có đơn đề nghị gia hạn nợ với lý do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên không thu xếp được tiền trả nợ cho Quỹ tín dụng Thụy S. Quỹ tín dụng Thụy S đã đồng ý cho hộ gia đình anh, chị gia hạn nợ đến ngày 13/9/2021. Khi đến hạn anh, chị không thanh toán khoản vay, Quỹ tín dụng Thụy S đã nhiều lần ra thông báo nhưng anh, chị chỉ nộp được một phần tiền lãi phát sinh. Đến tháng 3/2022 xét thấy điều kiện kinh tế gia đình gặp khó khăn, Quỹ tín dụng Thụy S đã đồng ý để anh, chị trả dần số tiền nợ gốc cho đến khi hết số dư nợ *(tiền lãi chưa thu).* Từ tháng 3/2022 đến tháng 12/2024 anh, chị đã trả nợ gốc 39.000.000 đồng, trả nợ lãi 29.744.200 đồng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm anh V và chị Hoan còn nợ Quỹ tín dụng Thụy S tiền gốc là 161.000.000; Nợ lãi là 87.551.300 đồng (trong đó lãi trong hạn là 29.781.370 đồng, lãi quá hạn là 57.769.930 đồng). Tổng số tiền gốc và lãi đến 20/01/2025 là: 248.551.300 đồng. Nay, Quỹ tín dụng Thụy S đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh V và chị H phải có nghĩa vụ trả nợ chung cho Quỹ Thụy S mỗi người một nửa tiền gốc là 80.500.000 đồng và tiền nợ lãi tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 43.775.650 đồng và tiếp tục chịu nợ lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng trên phần nợ gốc cho đến khi trả nợ xong toàn bộ cho Quỹ tín dụng Thụy S. Đối với nội dung yêu cầu trong trường hợp anh Lê Văn V và chị Lê Thị H không trả được nợ thì Quỹ tín dụng nhân dân xã Thuỵ Sơn yêu cầu xử lý phát mại tài sản là nhà đất tại thửa đất số 267, tờ bản đồ số 8, diện tích sử dụng là 273,3m^2 và toàn bộ công trình xây dựng trên đất để thu hồi nợ Quỹ tín dụng nhân dân Thuỵ S đã có đơn xin rút 06/11/2024; theo yêu cầu khởi kiện số tiền nợ gốc Quỹ yêu cầu là 164.000.000 đồng nhưng ngày 25/9/2024 anh V trả Quỹ 3.000.000 đồng nên Quỹ rút một phần yêu cầu với số tiền 3.000.000 đồng nợ gốc; đề nghị Tòa án không giải quyết xử lý tài sản thế chấp, đình chỉ đối với yêu cầu này và đình chỉ một phần đối với nợ gốc là 3.000.000 đồng.

** Ông Lê Văn Ng vắng mặt nhưng đã có ý kiến trình bày tại đơn yêu cầu độc lập, bản tự khai và ý kiến tại biên bản lấy lời khai ngày 04/12/2024; tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyện là anh Lê Văn H giữ nguyên ý kiến trình bày của ông Ng với nội dung như sau:*

Do có quan hệ làng xóm quen biết nên ông có cho chị Lê Thị H và anh Lê Văn V vay số tiền 250.000.000 đồng vào ngày 28/02/2020, mục đích để anh chị làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Thời hạn vay là 1 năm. Khi cho chị H và anh V vay tiền hai bên có lập giấy biên nhận vay tiền, anh V và chị H đều ký, không thỏa thuận lãi trong giấy vay tiền. Trên thực tế chị Ho và anh V có trả nợ cho ông một vài lần lãi, mỗi lần 2.500.000 đồng, ông không nhớ cụ thể tiền lãi. Hết thời hạn vay, nhiều lần thông báo cho anh V, chị H trả nợ số tiền 250.000.000 đồng, không yêu cầu lãi nhưng anh V và chị H không trả. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh H và chị V phải trả nợ số tiền 250.000.000 đồng nợ gốc, ông không yêu cầu tính lãi. Đối với Hợp đồng mua bán cầm cố nhà đất giữa ông và anh V ngày 04/9/2020 và Giấy

biên nhận ghi ngày 28/02/2020 có nội dung là chị H và anh V cầm có nhà đất ở thửa đất số 276, tờ bản đồ số 8 thôn Ngọc Thanh, xã Thuỵ Sơn và chuyển nhượng 01 xe ô tô mang biển kiểm soát 30F – 435.22 thì nay ông đã xin rút yêu cầu này, đề nghị Tòa án không giải quyết.

Do không hoà giải được nên đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã phát biểu về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 xử cho chị Hoan ly hôn anh V; Về con chung: Đề nghị áp dụng điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xác định chị H và anh V có hai con chung là Lê Hải A, sinh ngày 26/01/2012 và Lê Minh Đ, sinh ngày 21/8/2017. Đề nghị giải quyết giao cả hai con Lê Minh Đ và Lê Hải A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu; Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu phân chia nên không giải quyết. Về nợ chung: Áp dụng các Điều 35, Điều 37, Điều 45 Luật hôn nhân và Gia đình; Các Điều 440, 463; 466; 468 Bộ luật dân sự; Điều 99, 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 7 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, chấp nhận yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân Thuỵ Sơn và ông Lê Văn Ng, buộc anh V và chị H phải có nghĩa vụ chung trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân Thuỵ S và ông Lê Văn Ng mỗi người một nửa. Cụ thể, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm, buộc chị H và anh V mỗi người phải trả nợ cho Quỹ tín dụng Thụy S nửa tiền gốc là 80.500.000 đồng và nửa tiền nợ lãi tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 43.775.650 đồng, tổng là 124.275.650 đồng và tiếp tục chịu nợ lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng trên phần nợ gốc cho đến khi trả nợ xong toàn bộ cho Quỹ tín dụng Thụy S; Buộc chị H và anh V mỗi người phải trả cho ông Lê Văn Ng số tiền 125.000.000 đồng. Về án phí: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí: Chị H và anh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, mỗi người là 12.463.782 đồng. Áp dụng Điều 217; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân Thụy Sơn về nội dung yêu cầu: trong trường hợp anh Lê Văn V và chị Lê Thị H không trả được nợ thì Quỹ tín dụng nhân dân xã Thuỵ S yêu cầu xử lý phát mại tài sản là nhà đất tại thửa đất số 267, tờ bản đồ số 8, diện tích sử dụng là 273,3m^2 và toàn bộ công trình xây dựng trên đất để thu hồi nợ và đình chỉ một phần yêu cầu trả nợ gốc số tiền 3.000.000 đồng của Quỹ tín dụng nhân dân Thuỵ S; Đình chỉ phần yêu cầu của ông Lê Văn Ng với nội dung: ông Nguyện đề nghị Tòa án xử lý tài sản thế chấp là nhà đất ở thửa đất số 267, tờ bản đồ số 8 thôn Ngọc Th, xã Thuỵ S và chuyển

nhượng 01 xe ô tô mang biển kiểm soát 30F – 435.22 mang tên anh Lê Văn V để ông Lê Văn Ng thu hồi nợ trong trường hợp anh Vinh và chị H không trả được nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

[1.1]Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Lê Văn V vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do, ông Lê Văn Ng đề nghị xét xử vắng mặt có đại diện theo uỷ quyền là anh Lê Văn Hơn là con trai có mặt tại phiên toà nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt ông Lê Văn Ng và anh Lê Văn V.

[1.2] Bà Đào Thị S là vợ ông Lê Văn Ng từ chối tham gia tố tụng vì xác định bà không liên quan đến quan hệ vay tiền giữa ông Lê Văn Ng và anh Lê Văn V, chị Lê Thị H. Bà đề nghị Toà án không xác định bà là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Căn cứ vào Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự không xác định bà Đào Thị Sản là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này

[2]. *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị H và anh Lê Văn V tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đức L, huyện HA, tỉnh CB vào ngày 08/7/2015, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến khoảng tháng 12/2019 thì phát sinh mâu thuẫn từ nguyên nhân tính tình không hợp và do điều kiện làm ăn kinh tế khó khăn, nghi ngờ không tin tưởng nhau, thường xuyên cãi vã nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Chị H đã từng gửi đơn ly hôn anh V nhưng do được hoà giải nên đã rút đơn về, tuy nhiên mâu thuẫn giữa chị và anh V vẫn tiếp tục và ngày càng thêm sâu sắc. Hiện nay chị H và anh V ly thân không quan tâm chia sẻ và không còn có trách nhiệm với nhau. Chị H yêu cầu giải quyết ly hôn, anh V đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu cung cấp chứng cứ và mời đến hoà giải nhưng đều bỏ mặc không đến làm việc nên không có giải pháp hoà giải đoàn tụ cho anh, chị. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Hoan và anh Vinh đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh V.

[2.2]. Về con chung: Chị H và anh V có hai con chung là Lê Hải A, sinh ngày 26/01/2012 và Lê Minh Đ, sinh ngày 21/8/2017. Chị H đề nghị trực tiếp nuôi hai con; anh V vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án không có trách nhiệm với việc đưa ra yêu cầu về việc nuôi dưỡng con chung nên căn cứ vào các Điều 81,

82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi cả hai con là Lê Hải A và Lê Minh Đ đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị H không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Vinh có quyền thăm nom con chung; chị Hoan và anh V có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

[2.3]. *Về phân chia tài sản chung, nợ chung*:

[2.3.1] Về phần chia tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu nên Toà án không xem xét giải quyết.

[2.3.2] Xét yêu cầu độc lập Quỹ tín dụng nhân dân Thuỵ S về việc yêu cầu chị H và anh V trả nợ theo hợp đồng tín dụng vay vốn số: 2020-01-00183/HĐTD ngày 11/3/2020, số tiền vay theo Hợp đồng là 200.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Quỹ tín dụng nhân dân Thuỵ S cung cấp chứng cứ thể hiện anh V, chị H đã trả nợ số tiền nợ gốc là 39.000.000 đồng, số tiền nợ lãi đã trả là 29.744.200 đồng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, Quỹ tín dụng nhân dân Thuỵ S xác định, anh V và chị H còn nợ tiền gốc là 161.000.000 đồng; Nợ lãi là 87.551.300 đồng (trong đó lãi trong hạn là 29.781.370 đồng, lãi quá hạn là 57.769.930 đồng). Tổng số tiền gốc và lãi đến 20/01/2025 là: 248.551.300 đồng. Nay, Quỹ tín dụng Thụy S đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh V và chị H phải có nghĩa vụ trả nợ chung cho Quỹ tín dụng nhân dân Thụy S mỗi người một nửa tiền gốc là 80.500.000 đồng và nửa tiền nợ lãi tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 43.775.650, tổng là 124.275.650 đồng và tiếp tục chịu nợ lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng trên phần nợ gốc cho đến khi trả nợ xong toàn bộ cho Quỹ tín dụng Thụy S. Chị Lê Thị H thừa nhận chứng cứ và nhất trí với toàn bộ yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân Thuỵ Sơn nên áp dụng áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 99, 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 7 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng do NHNN ban hành; khoản 11 Điều 2; Điều 13; Điều 20 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng; Điều 37, Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân Thuỵ Sơn buộc anh Lê Văn V và chị Lê Thị H phải trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 2020-01-00183/HĐTD, tính đến ngày xét xử sơ thẩm, anh V và chị H còn nợ tiền gốc là 161.000.000 đồng; Nợ lãi là 87.551.300 đồng (trong đó lãi trong hạn là 29.781.370 đồng, lãi quá hạn là 57.769.930 đồng). Tổng số tiền gốc và lãi đến 20/01/2025 là: 248.551.300 đồng. Do khoản vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của chị H và anh V, mục đích để phát triển kinh tế gia đình nên xác định là nợ chung của anh Vinh, chị Hoan. Buộc anh V và chị H có nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng Thuỵ S mỗi người một nửa số nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 124.275.650

đồng (trong đó nợ gốc 80.500.000 đồng, nợ lãi 43.775.650 đồng) và phải tiếp tục trả nợ lãi theo hợp đồng tín dụng trên phần nợ gốc cho đến khi trả xong toàn bộ nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Thuỵ S. Căn cứ vào Điều 217; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ với nội dung yêu cầu trong trường hợp anh Lê Văn V và chị Lê Thị H không trả được nợ thì Quỹ tín dụng nhân dân xã Thuỵ S yêu cầu xử lý phát mại tài sản là nhà đất tại thửa đất số 267, tờ bản đồ số 8, diện tích sử dụng là 273,3m^2 và toàn bộ công trình xây dựng trên đất để thu hồi nợ; Đình chỉ với phần yêu cầu trả nợ gốc số tiền 3.000.000 đồng do Quỹ tín dụng nhân dân Thuỵ Sơn có yêu đơn xin rút..

[2.3.3] Ông Lê Văn Ng có yêu cầu độc lập đề nghị Toà án buộc anh Lê Văn V và chị Lê Thị H phải trả nợ số tiền vay 250.000.000 đồng theo Giấy vay nợ lập ngày vào ngày 28/02/2020. Ông Lê Văn Ng đã cung cấp đầy đủ chứng cứ để chứng minh chị H và anh V vay số tiền 250.000.000 đồng. Chị Lê Thị H thừa nhận chứng cứ do ông Ng cung cấp và nhất trí xác định chị và anh Lê Văn V còn vay ông Lê Văn Ng 250.000.000 đồng chưa trả. Căn cứ vào các Điều 430, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự; Áp dụng Điều 37; Điều 45 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn Ng, buộc anh Lê Văn V và chị Lê Thị H phải có trách nhiệm trả cho ông Lê Văn Ng số tiền nợ là 250.000.000 đồng là khoản vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của chị H và anh V. Chị Lê Thị H và anh Lê Văn V mỗi người phải trả nợ cho ông Lê Văn Ng 125.000.000 đồng. Áp dụng Điều 217; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Ng với nội dung ông Nguyện rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là nhà đất ở thửa đất số 267, tờ bản đồ số 8 thôn Ngọc Thanh, xã Thuỵ S và 01 xe ô tô mang biển kiểm soát 30F – 435.22 đăng ký xe mang tên anh Lê Văn V để thu hồi nợ.

[3]. *Về án phí*: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Lê Thị H và anh Lê Văn Vi phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tính trên phần nghĩa vụ trả nợ Quỹ tín dụng nhân dân Thuỵ S và trả nợ ông Lê Văn Ng, tổng mỗi người là 249.275.650 đồng, án phí mỗi người phải nộp là 12.463.782 đồng; Trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân Thuỵ Sơn tạm ứng án phí đã nộp là 5.965.000 đồng theo biên lai số 0004206 ngày 09/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện thái Thuỵ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 4 Điều 147; Điều 217; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 37; Điều 45; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 440, 463; 466; 468 Bộ luật dân sự; Điều 99, 100 Luật các tổ chức tín dụng năm

2024; Điều 7 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng do NHNN ban hành; khoản 1, khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H ly hôn anh Lê Văn V.

2.Về việc nuôi dưỡng con chung: Chị Lê Thị H và anh Lê Văn V có hai con chung là Lê Hải A, sinh ngày 26/01/2012 và Lê Minh Đ, sinh ngày 21/8/2017. Giao cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi cả hai con là Lê Hải A và Lê Minh Đ đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Lê Thị H không yêu cầu anh Lê Văn V cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lê Văn V có quyền thăm nom con chung; chị Lê Thị H và anh Lê Văn V có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân Thuỵ Sơn với nội dung yêu cầu trong trường hợp anh Lê Văn V và chị Lê Thị H không trả được nợ thì Quỹ tín dụng nhân dân xã Thuỵ Sơn yêu cầu xử lý phát mại tài sản là nhà đất tại thửa đất số 267, tờ bản đồ số 8, diện tích sử dụng là 273,3m^2 và toàn bộ công trình xây dựng trên đất để thu hồi nợ và số tiền 3.000.000 đồng nợ gốc;

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Ng với nội dung ông Nguyện rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là nhà đất ở thửa đất số 276, tờ bản đồ số 8 thôn Ngọc Thanh, xã Thuỵ S và 01 xe ô tô mang biển kiểm soát 30F – 435.22 đăng ký xe mang tên anh Lê Văn V để thu hồi nợ.

4. Về việc phân chia nợ chung: Chấp nhận yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân Thuỵ Sơn: Buộc chị Lê Thị H và anh Lê Văn V có nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng Thuỵ S số nợ chưa trả theo Hợp đồng tín dụng ngày 11/3/2020. Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm tính anh V và chị H mỗi người phải trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Thuỵ S số tiền 124.275.650 đồng (trong đó nợ gốc 80.500.000 đồng, nợ lãi 43.775.650 đồng) và phải tiếp tục trả nợ lãi theo hợp đồng tín dụng trên phần nợ gốc cho đến khi trả xong toàn bộ nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Thuỵ S;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Ng buộc chị Lê Thị H và anh Lê Văn V phải trả nợ tiền vay của ông Lê Văn Ng ngày 20/02/2020 là 250.000.000 đồng. Chị Lê Thị H và anh Lê Văn V mỗi người phải chịu 125.000.000 đồng

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Lê Văn Ng cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự

5. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Án phí ly hôn được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Lê Thị H đã nộp theo biên lai nộp tạm ứng án phí số 0004094 ngày 12/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thuỵ. Chị Lê Thị H và anh Lê Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tính trên phần nghĩa vụ trả nợ Quỹ tín dụng nhân dân Thuỵ S và ông Lê Văn Ng mỗi người là 12.463.782 đồng; Trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân Thuỵ S tạm ứng án phí đã nộp là 5.965.000 đồng theo biên lai số 0004206 ngày 09/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện thái Thuỵ.

6**. Quyền kháng cáo:** Chị Lê Thị H, ông Nguyễn Văn K là đại diện Quỹ tín dụng nhân dân Thuỵ S, người đại diện theo uỷ quyền của ông Lê Văn Nguyện có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Văn V, ông Lê Văn Ng vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hợp lệ bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã ĐL, huyện HA, tỉnh Cao Bằng
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình
- VKSND huyện Thái Thuỵ;
- Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy
- Lưu hồ sơ

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Hương Lan